CÔNG TY TNHH MTV HỒNG PHÚC ĐỒNG NAI

PHÒNG KHÁM ĐA KHOA HỒNG PHÚC ĐỒNG NAI

Số: 0105/KK-KKG

(V/v kê khai giá hàng hóa, dịch vụ bán trong nước hoặc xuất khẩu)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đồng Nai, ngày 01 tháng 05 năm 2026

SỞ Y TẾ TP. ĐỒNG NAI
ĐẾN Số:
Ngày: 18/5/2026
Chuyển:
Lưu hồ sơ số:

Kính gửi: **Sở Y Tế Đồng Nai**

Thực hiện quy định tại Luật Giá, Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10/07/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá.

Công ty TNHH Phòng Khám Đa Khoa Hồng Phúc Đồng Nai gửi Bảng kê khai mức giá hàng hóa, dịch vụ bán trong nước hoặc xuất khẩu (đính kèm).

Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 01/05/2026.

Công ty TNHH Phòng Khám Đa Khoa Hồng Phúc Đồng Nai xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của mức giá mà chúng tôi đã kê khai.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: VP

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)

M.S.D.N: 3603595257 - C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN HỒNG PHÚC ĐỒNG NAI
TỈNH ĐỒNG NAI

GĐ. LƯƠNG LƯU LOAN

- Họ và tên người nộp văn bản: Huỳnh Thị Kim Hoa
- Địa chỉ đơn vị thực hiện kê khai: 203A, Phạm Văn Thuận, KP 22, P Tam Hiệp, Tỉnh Đồng Nai.
- Số điện thoại liên lạc: 0984426925
- Email: ykhoahongphuc@gmail.com
- Số fax: .....

GHI NHẬN NGÀY NỘP VĂN BẢN KÊ KHAI GIÁ

CỦA CƠ QUAN TIẾP NHẬN

(Cơ quan tiếp nhận văn bản kê khai giá ghi ngày, tháng, năm nhận được văn bản kê khai giá và đóng dấu công văn đến)

CÔNG TY TNHH MTV HỒNG PHÚC ĐỒNG NAI

PHÒNG KHÁM ĐA KHOA HỒNG PHÚC ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đồng Nai, ngày 01 tháng 05 năm 2026

BẢNG KÊ KHAI MỨC GIÁ

(Kèm theo công văn số: 0105/KK-HPDN *ngày 01 tháng 05 năm 2026 của Phòng khám đa khoa Hồng Phúc Đồng Nai về việc kê khai giá hàng hóa, dịch vụ bán trong nước hoặc xuất khẩu)*

1. Mức giá kê khai bán trong nước:

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đặc điểm kinh tế - kỹ thuật, quy cách	Đơn vị tính	Loại giá (bán buôn, bán lẻ)	Giá kê khai kỳ liền kề trước (kèm số văn bản kê khai)	Giá kê khai kỳ này	Thời điểm định giá, điều chỉnh giá	Mức tăng/ giảm so với kỳ liền kề trước	Tỷ lệ tăng/ giảm so với kỳ liền kề trước	Ghi chú
1.	Theo dõi huyết áp liên tục không xâm nhập tại giường ≤ 8 giờ		dịch vụ	bán lẻ		200,000				
2.	Ghi điện tim cấp cứu tại giường		dịch vụ	bán lẻ		200,000				
3.	Làm test phục hồi máu mao mạch		dịch vụ	bán lẻ		270,000				
4.	Đặt catheter tĩnh mạch ngoại biên		dịch vụ	bán lẻ		270,000				
5.	Chăm sóc catheter tĩnh mạch		dịch vụ	bán lẻ		150,000				
6.	Theo dõi SPO_2 liên tục tại giường ≤ 8 giờ		dịch vụ	bán lẻ		200,000				
7.	Hồi sức chống sốc ≤ 8 giờ		dịch vụ	bán lẻ		370,000				
8.	Cầm chảy máu ở lỗ mũi sau bằng ống thông có bóng chèn		dịch vụ	bán lẻ		280,000				
9.	Thở oxy qua gọng kính (£ 8 giờ)		dịch vụ	bán lẻ		470,000				
10.	Thở oxy qua mặt nạ không có túi (£ 8 giờ)		dịch vụ	bán lẻ		570,000				

11.	Thở oxy qua mặt nạ venturi (£ 8 giờ)		dịch vụ	bán lẻ		400,000				
12.	Thủ thuật Heimlich (lấy dị vật đường thở) cho người lớn và trẻ em		dịch vụ	bán lẻ		550,000				
13.	Bóp bóng Ambu qua mặt nạ		dịch vụ	bán lẻ		360,000				
14.	Đặt ống nội khí quản		dịch vụ	bán lẻ		540,000				
15.	Khí dung thuốc cấp cứu (một lần)		dịch vụ	bán lẻ		400,000				
16.	Cố định lồng ngực do chấn thương gãy xương sườn		dịch vụ	bán lẻ		450,000				
17.	Cấp cứu ngừng tuần hoàn hô hấp cơ bản		dịch vụ	bán lẻ		430,000				
18.	Đo lượng nước tiểu 24 giờ		dịch vụ	bán lẻ		300,000				
19.	Lấy máu tĩnh mạch, tiêm thuốc tĩnh mạch (một lần chọc kim qua da)		dịch vụ	bán lẻ		300,000				
20.	Truyền thuốc, dịch tĩnh mạch ≤ 8 giờ		dịch vụ	bán lẻ		250,000				
21.	Rửa mắt tẩy độc		dịch vụ	bán lẻ		250,000				
22.	Băng ép bất động sơ cứu rắn cắn		dịch vụ	bán lẻ		500,000				
23.	Ga rô hoặc băng ép cầm máu		dịch vụ	bán lẻ		300,000				
24.	Băng bó vết thương		dịch vụ	bán lẻ		300,000				
25.	Cố định tạm thời người bệnh gãy xương		dịch vụ	bán lẻ		350,000				
26.	Cố định cột sống cổ bằng nẹp cứng		dịch vụ	bán lẻ		450,000				
27.	Bóp bóng Ambu qua mặt nạ		dịch vụ	bán lẻ		250,000				
28.	Điện tim thường		dịch vụ	bán lẻ		500,000				
29.	Chăm sóc mắt ở người bệnh liệt VII ngoại biên(mộtlần)		dịch vụ	bán lẻ		300,000				
30.	Hút đờm hầu họng		dịch vụ	bán lẻ		200,000				
31.	Lấy máu tĩnh mạch bẹn		dịch vụ	bán lẻ		150,000				
32.	Đặt sonde bàng quang		dịch vụ	bán lẻ		1,000,000				
33.	Đo lượng nước tiểu 24 giờ		dịch vụ	bán lẻ		300,000				

34.	Rửa bàng quang		dịch vụ	bán lẻ		5,000,000				
35.	Siêu âm ổ bụng		dịch vụ	bán lẻ		250,000				
36.	Test nhanh tìm hồng cầu ẩn trong phân		dịch vụ	bán lẻ		400,000				
37.	Thủ thuật điều trị rò hậu môn đơn giản		dịch vụ	bán lẻ		18,000,000				
38.	Hút ổ viêm/ áp xe phần mềm		dịch vụ	bán lẻ		400,000				
39.	Cố định gãy xương sườn bằng băng dính to bản		dịch vụ	bán lẻ		400,000				
40.	Bơm rửa bàng quang, bơm hóa chất		dịch vụ	bán lẻ		18,800,000				
41.	Thay ống dẫn thận, bàng quang		dịch vụ	bán lẻ		10,500,000				
42.	Dẫn lưu nước tiểu bàng quang		dịch vụ	bán lẻ		6,500,000				
43.	Dẫn lưu bàng quang đơn thuần		dịch vụ	bán lẻ		4,500,000				
44.	Cắt bỏ bao da qui đầu do dính hoặc dài		dịch vụ	bán lẻ		38,000,000				
45.	Cắt hẹp bao quy đầu		dịch vụ	bán lẻ		46,000,000				
46.	Mở rộng lỗ sáo		dịch vụ	bán lẻ		46,000,000				
47.	Điều trị ngắn hãm dương vật		dịch vụ	bán lẻ		26,800,000				
48.	Chữa mụn cóc quy đầu dương vật		dịch vụ	bán lẻ		28,000,000				
49.	Điều trị cắt ngắn nang dương vật		dịch vụ	bán lẻ		25,000,000				
50.	Điều trị chích, dẫn lưu áp xe cạnh hậu môn đơn giản		dịch vụ	bán lẻ		18,800,000				
51.	Điều trị nứt kẽ hậu môn bằng cắt cơ tròn trong (vị trí 3 giờ và 9 giờ)		dịch vụ	bán lẻ		40,000,000				
52.	Phẫu thuật cắt u nhú ống hậu môn (condylome)		dịch vụ	bán lẻ		40,000,000				
53.	Cắt u lành tính ống hậu môn (u cơ, polyp…)		dịch vụ	bán lẻ		40,000,000				
54.	Điều trị cắt da thừa cạnh hậu môn		dịch vụ	bán lẻ		31,800,000				
55.	Điều trị cắt lọc, xử lý vết thương tầng sinh môn đơn giản		dịch vụ	bán lẻ		18,800,000				

56.	Điều trị thương tích phần mềm các cơ quan vậnđộng		dịch vụ	bán lẻ		20,000,000				
57.	Thương tích bàn tay giản đơn		dịch vụ	bán lẻ		4,000,000				
58.	Điều trị làm mõi cụt ngót và đốt bàn ngón		dịch vụ	bán lẻ		4,500,000				
59.	Điều trị vết thương phần mềm đơn giản/rách da đầu		dịch vụ	bán lẻ		4,600,000				
60.	Điều trị sùi mào gà bằng đốt điện		dịch vụ	bán lẻ		48,800,000				
61.	Điều trị hạt cơm bằng đốt điện		dịch vụ	bán lẻ		26,000,000				
62.	Điều trị u mềm treo bằng đốt điện		dịch vụ	bán lẻ		35,000,000				
63.	Điều trị dày sừng da dầu bằng đốt điện		dịch vụ	bán lẻ		23,800,000				
64.	Điều trị dày sừng ánh nắng bằng đốt điện		dịch vụ	bán lẻ		13,800,000				
65.	Điều trị sẩn cục bằng đốt điện		dịch vụ	bán lẻ		21,800,000				
66.	Điều trị bớt sùi bằng đốt điện		dịch vụ	bán lẻ		16,800,000				
67.	Điều trị u mềm lây bằng nạo thương tổn		dịch vụ	bán lẻ		18,800,000				
68.	Soi ối		dịch vụ	bán lẻ		1,000,000				
69.	Khâu phục hồi rách cổ tử cung, âm đạo		dịch vụ	bán lẻ		30.000.000				
70.	Lấy khối máu tụ âm đạo, tầng sinh môn		dịch vụ	bán lẻ		18,800,000				
71.	Làm thuốc vết khâu tầng sinh môn nhiễm khuẩn		dịch vụ	bán lẻ		300,000				
72.	Khám thai		dịch vụ	bán lẻ		200,000				
73.	Nạo sót thai, nạo sót rau sau sẩy, sau đẻ		dịch vụ	bán lẻ		25.000.000				
74.	Khâu vòng cổ tử cung		dịch vụ	bán lẻ		18.000.000				
75.	Cắt chỉ khâu vòng cổ tử cung, âm đạo		dịch vụ	bán lẻ		5.000.000				
76.	Chích áp xe tầng sinh môn		dịch vụ	bán lẻ		12,280,000				
77.	Thủ thuật điều trị viêm cổ tử cung		dịch vụ	bán lẻ		26,800,000				

78.	Lấy bệnh phẩm làm phiên đồ tế bào cổ tử cung -âm đạo		dịch vụ	bán lẻ		2,000,000				
79.	Thủ thuật cắt polip cổ tử cung		dịch vụ	bán lẻ		21,800,000				
80.	Thủ thuật xoắn polip cổ tử cung, âm đạo		dịch vụ	bán lẻ		26,800,000				
81.	Điều trị tổn thương cổ tử cung bằng đốt điện, đốt nhiệt, đốt laser, áp lạnh…		dịch vụ	bán lẻ		38,800,000				
82.	Điều trị viêm dính tiểu khung bằng hồng ngoại, sóng ngắn		dịch vụ	bán lẻ		8,800,000				
83.	Cắt u thành âm đạo		dịch vụ	bán lẻ		18,800,000				
84.	Lấy dị vật âm đạo		dịch vụ	bán lẻ		12,000,000				
85.	Khâu rách cùng đồ âm đạo		dịch vụ	bán lẻ		20.000.000				
86.	Làm thuốc âm đạo,tầng sinh môn		dịch vụ	bán lẻ		12,800,000				
87.	Chích áp xe tuyến Bartholin		dịch vụ	bán lẻ		16,800,000				
88.	Bóc nang tuyến Bartholin		dịch vụ	bán lẻ		30.000.000				
89.	Trích rạch màng trinh do ứ máu kinh		dịch vụ	bán lẻ		15.000.000				
90.	Sinh thiết cổ tử cung, âm hộ, âm đạo		dịch vụ	bán lẻ		2,000,000				
91.	Cắt, đốt sùi mào gà âm hộ; âm đạo; tầng sinh môn		dịch vụ	bán lẻ		20,000,000				
92.	Hút buồng tử cung do rong kinh, rong huyết		dịch vụ	bán lẻ		20.000.000				
93.	Chích áp xe vú		dịch vụ	bán lẻ		3,000,000				
94.	Khám phụ khoa		dịch vụ	bán lẻ		390,000				
95.	Soi cổ tử cung		dịch vụ	bán lẻ		200,000				
96.	Làm thuốc âm đạo		dịch vụ	bán lẻ		8,800,000				
97.	Phá thai từ tuần thứ 6 đến hết 12 tuần bằng phương pháp hút chân không		dịch vụ	bán lẻ		68,000,0000				
98.	Điều trị cắt bỏ thịt dư, nang cổ tử cung		dịch vụ	bán lẻ		26,800,000				

99.	Cấy - tháo thuốc tránh thai (loại nhiều nang)		dịch vụ	bán lẻ		6,800,000				
100.	Cấy - tháo thuốc tránh thai (loại một nang)		dịch vụ	bán lẻ		3,800,000				
101.	Triệt sản nam (bằng dao hoặc không bằng dao)		dịch vụ	bán lẻ		5,000,000				
102.	Đặt và tháo dụng cụ tử cung		dịch vụ	bán lẻ		1,500,000				
103.	Phá thai bằng thuốc cho tuổi thai đến hết 7 tuần		dịch vụ	bán lẻ		8,800,000				
104.	Đình chỉ thai kỳ không đau với phương pháp truyền thống		dịch vụ	bán lẻ		11,800,000				
105.	Phá thai đến hết 7 tuần bằng phương pháp hút chân không		dịch vụ	bán lẻ		30,800,000				
106.	Siêu âm tuyến giáp		dịch vụ	bán lẻ		250,000				
107.	Siêu âm các tuyến nước bọt		dịch vụ	bán lẻ		250,000				
108.	Siêu âm ổ bụng (gan mật, tụy, lách, thận, bàng quang)		dịch vụ	bán lẻ		250,000				
109.	Siêu âm hệ tiết niệu: (thận, tuyến thượng thận, bàng quang, tiền liệt tuyến)		dịch vụ	bán lẻ		250,000				
110.	Siêu âm tử cung phần phụ		dịch vụ	bán lẻ		250,000				
111.	Siêu âm thai (thai, nhau thai, nước ối)		dịch vụ	bán lẻ		350,000				
112.	Siêu âm tử cung buồng trứng qua đường bụng		dịch vụ	bán lẻ		300,000				
113.	Siêu âm tử cung buồng trứng qua đường âm đạo		dịch vụ	bán lẻ		350,000				
114.	Siêu âm thai nhi trong 3 tháng đầu		dịch vụ	bán lẻ		250,000				
115.	Siêu âm thai nhi trong 3 tháng giữa		dịch vụ	bán lẻ		250,000				
116.	Siêu âm thai nhi trong 3 tháng cuối		dịch vụ	bán lẻ		250,000				
117.	Siêu âm khớp (gối, háng, khuỷu, cổ tay….)		dịch vụ	bán lẻ		250,000				
118.	Siêu âm phần mềm (da, tổ chức dưới da, cơ….)		dịch vụ	bán lẻ		250,000				

119.	Siêu âm Doppler động mạch, tĩnh mạch chi dưới		dịch vụ	bán lẻ		250,000				
120.	Siêu âm Doppler tim, van tim		dịch vụ	bán lẻ		250,000				
121.	Siêu âm tuyết vú hai bên		dịch vụ	bán lẻ		250,000				
122.	Siêu âm Doppler tử cung, buồng trứng qua đường bụng		dịch vụ	bán lẻ		250,000				
123.	Siêu âm Doppler tử cung, buồng trứng qua đường âm đạo		dịch vụ	bán lẻ		250,000				
124.	Siêu âm Doppler động mạch tử cung		dịch vụ	bán lẻ		250,000				
125.	Siêu âm hai tinh hoàn		dịch vụ	bán lẻ		250,000				
126.	Siêu âm Doppler tinh hoàn, mào tinh hoàn hai bên		dịch vụ	bán lẻ		250,000				
127.	Siêu âm dương vật		dịch vụ	bán lẻ		250,000				
128.	Thời gian prothrombin (PT: Prothrombin Time), (Các tên khác: TQ; Tỷ lệ Prothrombin) bằng máy tự động		dịch vụ	bán lẻ		100,000				
129.	Thời gian prothrombin (PT: Prothrombin Time)(Các tên khác: TQ; Tỷ lệ Prothrombin) bằng máy bán tự động		dịch vụ	bán lẻ		100,000				
130.	Thời gian prothrombin (PT: Prothrombin Time), (Các tên khác: TQ; Tỷ lệ Prothrombin) phương pháp thủ công		dịch vụ	bán lẻ		100,000				
131.	Xét nghiệm nhanh INR (Có thể kèm theo cả chỉ số PTI%, PTs) bằng máy cầm tay		dịch vụ	bán lẻ		100,000				
132.	Thời gian thromboplastin một phần hoạt hoá (APTT: Activated Partial Thromboplastin Time), (Tên khác: TCK) bằng máy tự động		dịch vụ	bán lẻ		100,000				
133.	Thời gian thromboplastin một phần hoạt hoá (APTT: Activated Partial Thromboplastin		dịch vụ	bán lẻ		100,000				

	Time) (Tên khác: TCK) bằng máy bán tự động.									
134.	Thời gian thromboplastin một phần hoạt hoá (APTT: Activated Partial Thromboplastin Time) (tên khác: TCK) phương pháp thủ công		dịch vụ	bán lẻ		100,000				
135.	Thời gian thrombin (TT: Thrombin Time) bằng máy tự động		dịch vụ	bán lẻ		100,000				
136.	Thời gian thrombin (TT: Thrombin Time) bằng máy bán tự động		dịch vụ	bán lẻ		100,000				
137.	Thời gian thrombin (TT: Thrombin Time) phương pháp thủ công		dịch vụ	bán lẻ		100,000				
138.	Đo hoạt độ ALT (GPT)		dịch vụ	bán lẻ		100,000				
139.	Đo hoạt độ AST (GOT)		dịch vụ	bán lẻ		100,000				
140.	Định lượng FT3 (Free Triiodothyronine)		dịch vụ	bán lẻ		100,000				
141.	Định lượng FT4 (Free Thyroxine)		dịch vụ	bán lẻ		100,000				
142.	Định lượng Glucose		dịch vụ	bán lẻ		100,000				
143.	Định lượng Globulin		dịch vụ	bán lẻ		100,000				
144.	Đo hoạt độ GGT (Gama Glutamyl Transferase)		dịch vụ	bán lẻ		100,000				
145.	Định lượng Urê		dịch vụ	bán lẻ		100,000				
146.	Đo hoạt độ Amylase		dịch vụ	bán lẻ		100.000				
147.	Định tính beta hCG (test nhanh)		dịch vụ	bán lẻ		100,000				
148.	Định lượng Glucose		dịch vụ	bán lẻ		100,000				
149.	Định tính Opiate (test nhanh)		dịch vụ	bán lẻ		100,000				
150.	Định tính Morphin (test nhanh)		dịch vụ	bán lẻ		100,000				
151.	Định tính Codein (test nhanh)		dịch vụ	bán lẻ		100,000				
152.	Định tính Heroin (test nhanh)		dịch vụ	bán lẻ		100,000				

153.	Định lượng Ure		dịch vụ	bán lẻ		100,000				
154.	Tổng phân tích nước tiểu (Bằng máy tự động		dịch vụ	bán lẻ		100,000				
155.	Vi khuẩn nhuộm soi		dịch vụ	bán lẻ		250,000				
156.	Vi khuẩn test nhanh		dịch vụ	bán lẻ		250,000				
157.	Neisseria gonorrhoeae nhuộm soi		dịch vụ	bán lẻ		210,000				
158.	Neisseria meningitidis nhuộm soi		dịch vụ	bán lẻ		100,000				
159.	Chlamydia test nhanh		dịch vụ	bán lẻ		100,000				
160.	Helicobacter pylori Ag test nhanh		dịch vụ	bán lẻ		100,000				
161.	Helicobacter pylori Ab test nhanh		dịch vụ	bán lẻ		100,000				
162.	Treponema pallidum test nhanh		dịch vụ	bán lẻ		100,000				
163.	Virus test nhanh		dịch vụ	bán lẻ		100,000				
164.	HBsAg test nhanh		dịch vụ	bán lẻ		100,000				
165.	HCV Ab test nhanh		dịch vụ	bán lẻ		100,000				
166.	HBsAb định lượng		dịch vụ	bán lẻ		100,000				
167.	HIV Ab test nhanh		dịch vụ	bán lẻ		100,000				
168.	Dengue virus NS1Ag test nhanh		dịch vụ	bán lẻ		100,000				
169.	Dengue virus NS1Ag/IgM/IgG test nhanh		dịch vụ	bán lẻ		100,000				
170.	Influenza virus A, B test nhanh		dịch vụ	bán lẻ		100,000				
171.	Rotavirus test nhanh		dịch vụ	bán lẻ		100,000				
172.	Rubella virus Ab test nhanh		dịch vụ	bán lẻ		100,000				
173.	Vi nấm soi tươi		dịch vụ	bán lẻ		210,000				
174.	Vi nấm test nhanh		dịch vụ	bán lẻ		210,000				
175.	Vi nấm nhuộm soi		dịch vụ	bán lẻ		210,000				
176.	Điều trị bằng sóng ngắn		dịch vụ	bán lẻ		600,000/10 phút				

177.	Điều trị bằng dòng điện một chiều đều		dịch vụ	bán lẻ		600,000/10 phút				
178.	Điều trị bằng điện phân dẫn thuốc		dịch vụ	bán lẻ		600,000/10 phút				
179.	Điều trị bằng các dòng điện xung		dịch vụ	bán lẻ		600,000/10 phút				
180.	Điều trị bằng siêu âm		dịch vụ	bán lẻ		600,000/10 phút				
181.	Điều trị bằng sóng xung kích		dịch vụ	bán lẻ		600,000/10 phút				
182.	Điều trị bằng tia hồng ngoại		dịch vụ	bán lẻ		150,000/10 phút				
183.	Điều trị bằng nhiệt nóng (chườm nóng)		dịch vụ	bán lẻ		200,000				
184.	Điều trị bằng nhiệt lạnh (chườm lạnh)		dịch vụ	bán lẻ		200,000				
185.	Điều trị bằng Parafin		dịch vụ	bán lẻ		500,000				
186.	Phẫu thuật thẩm mỹ cơ quan sinh dục ngoài nữ (môi bé và âm vật)		dịch vụ	bán lẻ		88,000,0000				
187.	Phẫu thuật thu nhỏ âm đạo		dịch vụ	bán lẻ		68,000,000				
188.	Tiêm trong da		dịch vụ	bán lẻ		100.000				
189.	Tiêm dưới da		dịch vụ	bán lẻ		100.000				
190.	Tiêm bắp thịt		dịch vụ	bán lẻ		100.000				
191.	Tiêm tĩnh mạch		dịch vụ	bán lẻ		100.000				
192.	Truyền tĩnh mạch		dịch vụ	bán lẻ		100.000				
193.	Phí truyền 1 chai		dịch vụ	bán lẻ		70,000				
194.	Phí truyền 2 chai		dịch vụ	bán lẻ		140,000				
195.	Phí truyền 3 chai		dịch vụ	bán lẻ		200,000				
196.	Phí truyền 4 chai		dịch vụ	bán lẻ		240,000				
197.	Phí truyền 5 chai		dịch vụ	bán lẻ		300,000				
198.	Rửa phụ khoa - đặt thuốc		dịch vụ	bán lẻ		500,000				

199.	Vệ sinh 4 mục (phụ khoa)		dịch vụ	bán lẻ		400,000				
200.	Vệ sinh (nam giới)		dịch vụ	bán lẻ		200,000				
201.	Phí Thay băng		dịch vụ	bán lẻ		200,000				
202.	Phí cắt chỉ		dịch vụ	bán lẻ		100,000				
203.	Phí đo lưu thông		dịch vụ	bán lẻ		500.000				
204.	Phí nội soi		dịch vụ	bán lẻ		500.000				
205.	Gửi mẫu sinh thiết		dịch vụ	bán lẻ		5.000.000				

2. Mức giá kê khai bán xuất khẩu:

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đặc điểm kinh tế - kỹ thuật, quy cách	Thị trường xuất khẩu	Đơn vị tính	Giá kê khai kỳ liền kề trước (kèm số văn bản kê khai)	Giá kê khai kỳ này	Thời điểm định giá, điều chỉnh giá	Mức tăng/ giảm so với kỳ liền kề trước	Tỷ lệ tăng/ giảm so với kỳ liền kề trước	Ghi chú

3. Phân tích nguyên nhân điều chỉnh giá bán giữa lần kê khai giá kỳ này so với kỳ liền kề trước: nêu cụ thể nguyên nhân do biến động của các yếu tố hình thành giá và các nguyên nhân khác tác động làm tăng hoặc giảm giá hàng hóa, dịch vụ.

4. Ghi rõ mức thuế giá trị gia tăng đã bao gồm trong giá.

Ghi chú:

(1) Tên đơn vị thực hiện kê khai giá.

(2) Số ký hiệu văn bản.

(3) Tên cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận văn bản kê khai giá

- Giá kê khai là mức giá bán ghi trên hóa đơn đã trừ chiết khấu, giảm giá (nếu có) và bao gồm thuế giá trị gia tăng (nếu có) của hàng hóa, dịch vụ. Trường hợp kê khai giá lần đầu không bao gồm thông tin về mức giá kê khai kỳ trước, mức tăng giảm, tỷ lệ tăng giảm và nguyên nhân điều chỉnh giá bán giữa các lần kê khai giá.

- Đối với hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu, thực hiện kê khai mức giá ghi trên hóa đơn theo đồng Việt Nam, đồng ngoại tệ (nếu có) tại bảng kê khai, ghi chú thêm thông tin thị trường nước xuất khẩu, tỷ giá, ngày áp dụng tỷ giá và ngân hàng giao dịch.

- Trường hợp tại kỳ kê khai, tổ chức kinh doanh hàng hóa, dịch vụ định giá hoặc điều chỉnh nhiều mức giá khác nhau cho nhiều đối tượng khách hàng thì kê khai tất cả các mức giá áp dụng.